

Bản án số: 555/2023/DS-KDTM  
Ngày: 28-7-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng  
ủy thác giao dịch cà phê tương lai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Phát.

2. Ông Nguyễn Văn Lợi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:*** Ông Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐST-KDTM ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Lệ H, sinh năm 1974.

Cư trú: Đường L, phường Y, Thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thành C, sinh năm 1963.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Dịch vụ T.

Trụ sở: Đường X, Phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Thái D, sinh năm 1976.

Cư trú: Đường E, Phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thành C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Lê H và Công ty Cổ phần Dịch vụ T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14 tháng 5 năm 2019 với nội dung Công ty Cổ phần Dịch vụ T thực hiện các giao dịch môi giới trung gian mua bán hợp đồng cà phê tương lai theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị Lê H.

Để có thể thực hiện việc mua bán các hợp đồng thông qua trung gian là Công ty T tại hai sàn giao dịch cà phê phái sinh là Sàn giao dịch Tương lai và Quyền chọn Tài chính Quốc tế London (Thị trường Liffe) giao dịch chủ yếu cà phê robusta và Sàn giao dịch Liên lục địa tại New York (Thị trường NYBOT) giao dịch chủ yếu cà phê arabica, bà H phải tiến hành ký quỹ với Công ty T tiền ký quỹ ban đầu tương đương: Thị trường LIFFE: 2.000 USD/lot (1lot=10 tấn), Thị trường NYBOT: 5.000 USD/lot. Bà H chuyển tiền bằng VNĐ vào tài khoản của Công ty T, số tiền trên sẽ được quy đổi ra USD theo tỷ giá áp dụng cùng thời điểm của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Sau khi có xác nhận báo có tại tài khoản của Công ty T, Công ty T sẽ thông báo cho bà H khối lượng hợp đồng tương lai bà H có thể mua bán tại thị trường London, NewYork. Trong khoảng thời gian giao dịch của thị trường London, NewYork bà H tiến hành đặt lệnh mua bán trực tiếp qua điện thoại với Công ty T. Công ty T sẽ trực tiếp đặt lệnh mua bán tại hai sàn trên dựa trên yêu cầu của bà H. Trong quá trình giao dịch bà H đã nhiều lần chuyển tiền ký quỹ và rút tiền ký quỹ từ Công ty T.

Căn cứ theo thỏa thuận tại hợp đồng: “Sau khi lệnh được thực hiện, bên A (Công ty T) sẽ chuyển chi tiết giao dịch của bên B (bà Huỳnh Thị Lê H) qua fax hoặc email. Bên B có trách nhiệm đối chiếu và ký xác nhận các chi tiết và chuyển lại cho bên A trong cùng một ngày, nếu bên B không ký xác nhận và fax lại ngay trong ngày thì xem như giao dịch đã được chấp nhận. Cuối mỗi tháng hoặc cuối mỗi chu kỳ giao dịch, hai bên tiến hành lập biên bản đối chiếu kết quả kinh doanh từ các hợp đồng tương lai. Hiệu quả và khối lượng giao dịch của bên B được thể hiện trong biên bản này.” Từ ngày ký

Hợp đồng ủy thác giao dịch cả phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14/5/2019 đến ngày 25/3/2020, bà H và Công ty T đã phát sinh rất nhiều giao dịch. Ngày nào Thị trường London (LD) và Newyork (NY) mở phiên giao dịch thì công ty T đều gửi thư điện tử cho bà H để báo cáo kết quả kinh doanh và xác nhận các giao dịch phát sinh. Từ thời điểm ký hợp đồng đến ngày 25/3/2020. Sau khi đánh giá kết quả các lần giao dịch và số tiền ký quỹ còn lại, bà H tạm tính quy ra tiền Việt Nam theo tỷ giá hiện tại:  $35.697,8 \text{ USD} \times 23.570 \text{ đồng} = 841.397.146 \text{ đồng}$ .

Sau ngày 25/3/2020, do không còn nhu cầu kinh doanh mua bán các hợp đồng tương lai thông qua vai trò trung gian của Công ty T, nên bà H đã yêu cầu Công ty T thanh toán lại cho bà H toàn bộ số tiền ký quỹ là 35.697,8 USD (tương đương 841.397.146 đồng). Nhưng đến nay bà H không thể liên lạc được với Công ty T và cũng không nhận được sự phản hồi nào từ phía công ty. Bà H nhận thấy Công ty T có dấu hiệu lạm dụng vốn của bà số tiền trên và đã gây cho bà rất nhiều khó khăn về tài chính.

Nay, bà H khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận buộc Công ty T phải trả cho bà số tiền 35.697,8 USD được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử.

*Bị đơn là Công ty Cổ phần Dịch vụ T có người đại diện hợp pháp là ông Võ Thái D trình bày:*

Ông xác định mọi hoạt động kinh doanh của Công ty T là do ông Lê Hải Bình thực hiện, ông hoàn toàn không biết nội dung cụ thể. Ông không có ý kiến và không có tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án để nộp. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận buộc Công ty T phải trả cho bà H số tiền 35.697,8 USD được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử.

Đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm hợp đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

*[1.1] Quan hệ tranh chấp:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền ký quỹ còn lại theo hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14/5/2019 và Thông báo kết quả kinh doanh ngày 25/03/2020. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Xét, bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa.

*[1.3] Thời hiệu khởi kiện:*

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

*[1.4] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Ngày 05/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thành C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 03/7/2023, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Võ Thái D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Xét thấy, căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*[1.5] Việc thu thập chứng cứ:*

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự khẳng định ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến cũng như không nộp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Vì vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

*[1.6] Về tư cách đương sự:*

Căn cứ Công văn số 3688/ĐKKD-T6 ngày 07/6/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung Công ty T, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0309533243, đăng ký lần đầu ngày 07/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/5/2021 (cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ của lần đăng ký thay đổi thứ 3 ngày 20/10/2015). Người đại diện theo pháp luật của Công ty ông Lê Hải Bình. Tuy nhiên, theo Giấy chứng tử số 23 ngày 01/4/2020 do Ủy ban nhân dân phường Lộc Thọ,

thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp, ông Lê Hải Bình là người đại diện theo pháp luật của Công ty T chết ngày 23/6/2020.

Căn cứ Công văn số 4015/ĐKKD-T6 ngày 07/7/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, danh sách cổ đông sáng lập Công ty T gồm: ông Cù Tuấn Hùng, ông Đinh Quốc Lĩnh, ông Nguyễn Thường Nhân, ông Lê Hải Bình, bà Lê Thị Minh Nguyệt và ông Võ Thái D.

Xét thấy, khoản 5 Điều 12 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chết thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của công ty. Tại các bản tự khai của ông Cù Tuấn Hùng, bà Lê Thị Minh Nguyệt, ông Đinh Quốc Lĩnh và ông Võ Thái D xác nhận đã nhận được Thông báo cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, do các ông bà thường xuyên đi công tác nên không thể tổ chức buổi họp Hội đồng quản trị. Ông bà thống nhất đề cử ông Võ Thái D, sinh năm 1976 làm người đại diện theo pháp luật của Công ty T. Do đó, căn cứ khoản 5 và khoản 7 Điều 12 Luật doanh nghiệp năm 2020 Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận ban hành Thông báo số 1195/TB-TA ngày 03/7/2023 chỉ định ông Võ Thái D là người đại diện theo pháp luật của Công ty T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung:

*[2.1] Xét tính pháp lý của thư điện tử là hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14/5/2019 do Công T gửi cho bà Huỳnh Thị Lệ H.*

[2.1.1] Căn cứ nội dung Vi bằng số 2984/2020/VB-TPLQ.10 ngày 04/8/2020 được lập tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 10 từ trang 32 đến trang 38 thể hiện thông điệp dữ liệu điện tử là hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14/5/2019 được gửi từ địa chỉ thư điện tử [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com) đến nơi nhận thư điện tử là [sonhuyengl@ymail.com](mailto:sonhuyengl@ymail.com) vào ngày 20/5/2019 lúc 14:18.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0309533243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện Công ty Cổ phần Dịch vụ T có thông tin Email là [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com).

Căn cứ biên bản xác nhận ngày 13/8/2020, bà H trình bày địa chỉ thư điện tử bà dùng để giao dịch với Công ty T là [sonhuyengl@ymail.com](mailto:sonhuyengl@ymail.com).

Xét thấy, bà Huỳnh Thị Lệ H và Công ty T ký hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14 tháng 5 năm 2019. Hợp đồng được thể hiện dưới hình thức là thư điện tử, được Công ty T gửi đến cho bà Huỳnh Thị Lệ H từ địa chỉ thư điện tử của công ty là [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com), phù hợp với thông tin công ty đăng ký tại Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.1.2] Căn cứ Hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14 tháng 5 năm 2019 thể hiện Bên A là Công ty T có email là [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com), bên B là bà Huỳnh Huỳnh Lệ H có email là [sonhuyengl@ymail.com](mailto:sonhuyengl@ymail.com). Tại khoản 1.5 Điều 1 của Hợp đồng quy định: “... Sau khi lệnh được thực hiện, bên A sẽ chuyển chi tiết giao dịch của bên B qua fax hoặc email. Bên B có trách nhiệm đối chiếu và ký xác nhận các chi tiết và chuyển lại cho bên A trong cùng một ngày, nếu bên B không ký xác nhận và fax lại ngay trong ngày thì xem như giao dịch đã được chấp nhận. ....”

Căn cứ nội dung Vi bằng số 2984/2020/VB-TPLQ.10 ngày 04/8/2020 được lập tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 10 từ trang 22 đến trang 31, trang 39 đến trang 43 thể hiện thông điệp dữ liệu điện tử là các Thông báo kết quả kinh doanh ngày 20/6/2019, Thông báo kết quả kinh doanh ngày 20/5/2019, Thông báo kết quả kinh doanh ngày 17/5/2019 được gửi từ địa chỉ thư điện tử [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com) đến nơi nhận thư điện tử là [sonhuyengl@ymail.com](mailto:sonhuyengl@ymail.com).

Xét thấy, trong quá trình giao dịch, bà H đã nhiều lần chuyển tiền và rút tiền ký quỹ từ Công ty T vào các ngày sau:

1. Ngày 17/05/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

2. Ngày 20/05/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

3. Ngày 20/06/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 600.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

4. Ngày 02/08/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 1.000.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

5. Ngày 05/08/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người gửi là bà Thái Thị Thuận, số chứng minh nhân dân: 230732005, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

6. Ngày 06/08/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người gửi là bà Thái Thị Thuận, số chứng minh nhân dân: 230732005, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ;

7. Ngày 06/08/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ lần 2 ngày 6/8/2019.

8. Ngày 13/08/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 300.099.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

9. Ngày 20/12/2019, bà nộp vào Công ty T số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

10. Ngày 14/01/2020, bà nộp vào Công ty T số tiền 1.000.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người

gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

11. Ngày 06/02/2020, bà nộp vào Công ty T số tiền 400.000.000 đồng thể hiện tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với thông tin người gửi là bà Nguyễn Thị Thu Kiều, số chứng minh nhân dân: 230731841, người nhận là Công ty T với nội dung Huỳnh Thị Lệ H nộp tiền ký quỹ.

12. Ngày 13/06/2019, bà H làm giấy Đề nghị rút tiền ký quỹ 1.000.000.000 đồng, Công ty T đã chuyển trả tiền vào tài khoản 0291002246868 (Vietcombank Gia Lai), chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị Thu Thảo, số chứng minh nhân dân: 230488314, ngày cấp: 04/03/2019 với nội dung Huỳnh Thị Lệ H rút ký quỹ. Bà Thảo là em chồng của bà H. Lý do bà H không yêu cầu chuyển vào tài khoản của bà vì hằng ngày bà phải ký chứng từ cho Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai nên không có thời gian đi rút tiền.

13. Ngày 17/09/2019, bà H làm giấy Đề nghị rút tiền ký quỹ 2.000.000.000 đồng, Công ty T đã chuyển trả tiền vào tài khoản 0291002246868 (Vietcombank Gia Lai), chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị Thu Thảo, số chứng minh nhân dân: 230488314, ngày cấp: 04/03/2019 với nội dung Huỳnh Thị Lệ H rút ký quỹ.

14. Ngày 09/10/2019, bà H làm giấy Đề nghị rút tiền ký quỹ 500.000.000 đồng, Công ty T đã chuyển trả tiền vào tài khoản 0291002246868 (Vietcombank Gia Lai), chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị Thu Thảo, số chứng minh nhân dân: 230488314, ngày cấp: 04/03/2019 với nội dung Huỳnh Thị Lệ H rút ký quỹ.

15. Ngày 15/11/2019, bà H có làm giấy Đề nghị rút tiền ký quỹ 1.000.000.000, Công ty T đã chuyển trả tiền vào tài khoản 0291002246868 (Vietcombank Gia Lai), chủ tài khoản là bà: Nguyễn Thị Thu Thảo, số chứng minh nhân dân: 230488314, ngày cấp: 04/03/2019 với nội dung Huỳnh Thị Lệ H rút ký quỹ.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam sao kê tài khoản của Công ty T để đối chiếu và xác nhận các giao dịch chuyển tiền trên giữa Công ty T và bà Huỳnh Thị Lệ H là có thật và đã hoàn thành.

Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng tại khoản 1.5 Điều 1 của Hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14 tháng 5 năm 2019. Bà H trình bày những ngày bà có phát sinh giao dịch tại thị trường London

(LD) và Newyork (NY) thì Công ty T đều gửi thư điện tử cho bà để báo cáo kết quả kinh doanh và xác nhận các giao dịch phát sinh. Tại Mục 3 nộp tiền ký quỹ Thông báo kết quả kinh doanh ngày 20/6/2019 thể hiện bà H nộp 600.000.000 đồng, Thông báo kết quả kinh doanh ngày 20/5/2019 thể hiện bà H nộp 500.000.000 đồng, Thông báo kết quả kinh doanh ngày 17/5/2019 thể hiện bà H nộp 500.000.000 đồng. Các thông báo kết quả kinh doanh trên phù hợp với chứng cứ tại các giấy nộp tiền ký quỹ cho Công ty T của bà H và phù hợp với sao kê tài khoản tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam của Công ty T, có cơ sở xác định giữa Công ty T và bà H thực tế có phát sinh giao dịch theo Hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14 tháng 5 năm 2019.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 94, khoản 3 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ là thông điệp dữ liệu điện tử; khoản 1 Điều 199 Bộ luật dân sự 2015 quy định giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản; Điều 15 Luật Thương mại quy định nguyên tắc thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu trong hoạt động thương mại; khoản 12 Điều 4, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 quy định thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác, thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, có giá trị như bản gốc và có giá trị làm chứng cứ.

Do đó, có căn cứ xác định giữa bà Huỳnh Thị Lệ H và Công ty Cổ phần Dịch vụ T có ký Hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14 tháng 5 năm 2019.

*[2.2] Xét yêu cầu buộc Công ty T trả cho bà H số tiền ký quỹ còn lại theo Thông báo kết quả giao dịch ngày 25/3/2020.*

[2.2.1] Ngày 14/5/2019, bà Huỳnh Thị Lệ H có ký với Công ty Cổ phần Dịch vụ T hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP với nội dung Công ty Cổ phần dịch vụ T thực hiện các giao dịch môi giới trung gian mua bán hợp đồng cà phê tương lai theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị Lệ H. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự việc thỏa thuận giữa bà H và Công ty Cổ phần Dịch vụ T là hoạt

động thương mại giữa các bên thông qua hợp đồng kinh tế, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm giao kết, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa của các bên trong hợp đồng kể từ ngày ký.

[2.2.2] Căn cứ nội dung Vi bằng số 2984/2020/VB-TPLQ.10 ngày 04/8/2020 được lập tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 10 từ trang 6 đến trang 10 thể hiện thông điệp dữ liệu điện tử là Thông báo kết quả kinh doanh ngày 25/3/2020, Bảng xác nhận các giao dịch phát sinh ngày 25/3/2020 được gửi từ địa chỉ thư điện tử [thuanphatcoffee68@gmail.com](mailto:thuanphatcoffee68@gmail.com) đến nơi nhận thư điện tử là [sonhuyengl@ymail.com](mailto:sonhuyengl@ymail.com).

Căn cứ Văn bản xác nhận ngày 12/6/2020 của người đại diện hợp pháp của Công ty T là ông Võ Thái D có nội dung: “Kính gửi: Chị H/Anh Sơn. Em xác nhận Công ty CPDV T có 2 mail. 1/ [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com), 2/ [thuanphatcoffee68@gmail.com](mailto:thuanphatcoffee68@gmail.com). Vì dung lượng mail [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com) đầy nên công ty sử dụng thêm 1 mail mới [thuanphatcoffee68@gmail.com](mailto:thuanphatcoffee68@gmail.com).”

Căn cứ Kết luận giám định số 3445/C09B ngày 08/7/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về đối tượng giám định: “Chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Thái D” dưới mục “TPHCM 12/6/2020” trên tài liệu cần giám định so với mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Võ Thái D trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.”

Xét thấy, Thông báo kết quả kinh doanh ngày 25/3/2020 và Bảng xác nhận các giao dịch phát sinh ngày 25/3/2020 được gửi từ địa chỉ thư điện tử [thuanphatcoffee68@gmail.com](mailto:thuanphatcoffee68@gmail.com) đến nơi nhận thư điện tử là [sonhuyengl@ymail.com](mailto:sonhuyengl@ymail.com). Mặc dù địa chỉ thư điện tử [thuanphatcoffee68@gmail.com](mailto:thuanphatcoffee68@gmail.com) không phải là địa chỉ thư điện tử mà Công ty T đăng ký thông tin tại Sở Kế hoạch – Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên căn cứ vào Văn bản xác nhận ngày 12/6/2020 của ông Võ Thái D và Kết luận giám định số 3445/C09B ngày 08/7/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định Công ty T sử dụng hai địa chỉ thư điện tử là [ctythuanphatjsc@gmail.com](mailto:ctythuanphatjsc@gmail.com) và [thuanphatcoffee68@gmail.com](mailto:thuanphatcoffee68@gmail.com) để giao dịch với bà H. Từ những nhận định trên có cơ sở xác định Công ty T đã trao đổi dữ liệu điện tử là Thông báo kết quả kinh doanh ngày 25/3/2020 và Bảng xác nhận các giao dịch phát sinh ngày 25/3/2020 với bà H thông qua thư điện tử [thuanphatcoffee68@gmail.com](mailto:thuanphatcoffee68@gmail.com).

[2.2.3] Căn cứ bản tự khai ngày 12/8/2020 bà H giải trình về nội dung thông báo kết quả kinh doanh ngày 25/03/2020 như sau:

*Mục 1.* Số dư đầu kỳ: 34,827.45(USD) (đây số dư cuối kỳ của ngày 23/03/2020)

Nội dung: Mục này thể hiện số dư số tiền còn lại của bà H sau giao dịch của ngày hôm trước. Số tiền thể hiện tại mục này đã trừ lãi, lỗ của giao dịch ngày hôm trước.

*Mục 2.* Hoàn trả đánh giá trạng thái hôm trước: Mục này thể hiện mức lãi, lỗ tạm thời của ngày trước giao dịch, khi chưa được bán, mua (tách toán).

*Mục 3.* Nộp tiền ký quỹ: Bà H không đóng thêm tiền ký quỹ nên mục này không thể hiện số tiền.

Nội dung: Theo hợp đồng đã ký giữa hai bên thỏa thuận Tiền ký quỹ phải thường xuyên ở trong tình trạng đầy đủ và đảm bảo cho các giao dịch của bên bà H. Mỗi khi có thâm hụt do kết quả phát sinh từ các giao dịch của bên bà H hoặc do yêu cầu đóng ký quỹ bổ sung, trong vòng 24 tiếng khi có yêu cầu bằng văn bản hay các hình thức khác từ bên Công ty T, bên bà H có trách nhiệm đóng ký quỹ bổ sung ngay trong ngày làm việc.

*Mục 4.* Rút tiền ký quỹ: Bà H không yêu cầu rút tiền ký quỹ nên mục này không thể hiện số tiền.

Nội dung: Trong trường hợp bà H nhận thấy số tiền ký quỹ của bà do Công ty T quản lý nhiều hơn quá nhiều so với số lượng bà đã giao dịch mua, bán (hoặc bà chưa giao dịch cho những ngày kế tiếp). Bà có quyền đề nghị Công ty T cho bà rút bớt số tiền ký quỹ theo giấy đề nghị rút tiền của bà (dựa trên bảng cân đối mua, bán và xác nhận giao dịch phát sinh (mức ký quỹ) đối với các giao dịch sau:

+ Thị trường NY BOT là : 1L là phải ký quỹ 5.000USD (1L = 37.500P)

+ Thị trường London là :1L là phải ký quỹ 2.000USD (1L = 10 Tấn )

*Mục 5.* Lãi, lỗ do mua, bán: 918,75 (USD) số tiền này là bà H giao dịch ngày 23/05/2020 được lời.

Nội dung: Bà H đã mua 2L (NY BOT) giá 123,15 ( Giá tháng 5 ) $\times 37.500 = 46,181.25$  \*  
 $2L = 92,362.5$  (USD)

Sau đó bà H bán lại 1L (NY BOT) giá 124,4 (giá tháng 5) $\times 37.500=46,650.00$  USD, 1L (NY BOT) giá 124,35 (giá tháng 5) $\times 37.500=46,631.25$  USD

=> Bán 93,281.25 - Mua 92,362.5 = 918,75 (Bà H đã giao dịch lời)

*Mục 6.* Phí giao dịch: (44) USD đây là phí mà bà H phải trả cho Công ty T đối với các giao dịch của ngày 23/3/2020.

Nội dung: Bên Công ty T thu phí môi giới giao dịch là: Thị trường LIFFE: 10,00 USD/lot/1chiều (chưa bao gồm Thuế VAT 10%), thị trường NYBOT: 11,00 USD/lot/1chiều (chưa bao gồm Thuế VAT 10%) cho một chiều mua hoặc một chiều bán. Bà H đã mua 2L và bán 2L tại thị trường NYBOT nên tổng số tiền phí dịch vụ bà H phải trả là 44 USD.

*Mục 7.* Thuế VAT 10%: 4,4 USD đây là số tiền thuế bà H phải trả cho Công ty T.

*Mục 8.* Lãi vay âm quỹ: Bà H không vay tiền của Công ty T nên mục này không thể hiện số tiền.

Nội dung: Trong quá trình giao dịch nếu bà H bị âm thì bà sẽ vay của Công ty T.

*Mục 9.* Số dư tiền mặt: 35,697.8 (34,827.45 + 918,75 - 44 - 4.4=35,697.8) USD.

Nội dung: Sau khi giao dịch mua và bán bà H lời 918,75 USD nên số tiền ký quỹ của bà được tăng từ 34,827.45 lên 35,697.8 USD.

*Mục 10.* Lãi, lỗ tạm tính: Dựa vào thị trường LD và NY BOT tháng mà bà H mua bán để tính lãi lỗ, theo bảng xác nhận các giao dịch phát sinh.

*Mục 11.* Số dư cuối ngày: 35,697.8 USD

Nội dung: Số tiền thực của bà H sau khi giao dịch và được cộng trừ lãi, lỗ. Đây là số tiền ký quỹ còn lại của bà, do Công ty T quản lý.

*Mục 12.* Mức yêu cầu ký quỹ duy trì: Bà H không còn tồn tại lượng hàng mua và bán nên mục này không thể hiện số tiền.

Nội dung: Trong quá trình giao dịch còn tồn tại lượng hàng mua và bán.

*Mục 13.* Thừa thiếu so với mức ký quỹ: Số dư cuối kỳ.

Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng tại khoản 3.4 Điều 3 của hợp đồng ủy thác giao dịch cà phê tương lai thị trường LIFFE, NYBOT số 21-19/FT-TP ngày 14 tháng 5 năm 2019 có nội dung: “Lợi nhuận phát sinh từ các giao dịch của bên B (bà Huỳnh Thị Lệ H) sẽ được cộng gộp vào khoản ký quỹ của bên B hoặc chi trả cho bên B khi bên B

có yêu cầu. Khi bên B ngưng giao dịch và có yêu cầu rút ký quỹ bên A (Công ty T) quyết toán và thanh toán đầy đủ trong vòng 24h trong ngày làm việc.”

Căn cứ Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ ngày 26/3/2020, Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ ngày 27/3/2020, Thông báo về việc khởi kiện Công ty CP DV T ngày 24/4/2020 của bà Huỳnh Thị Lệ H.

Căn cứ tỉ giá USD mua vào của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam vào ngày xét xử là 28/7/2023 tỉ giá 1 USD bằng 23.848 đồng.

Xét thấy, tại Mục 11 của Thông báo kết quả kinh doanh ngày 25/03/2020 thể hiện số tiền ký quỹ còn lại của bà H là 35,697.8 USD. Vào các ngày 26/3/2020 và 27/3/2020 bà H đã làm giấy đề nghị rút tiền ký quỹ yêu cầu Công ty T cho bà rút số tiền là 35,697.80 USD và được quy đổi ra tiền VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo quy định tại Điều 1.2 của hợp đồng. Đến ngày 24/4/2020, mặc dù bà H đã nhiều lần nhắc nhở Công ty T thanh toán khoản tiền trên nhưng không có phản hồi nên bà đã làm Thông báo về việc khởi kiện Công ty CP DV T tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

Bị đơn đã vi phạm thỏa thuận tại khoản 3.4 Điều 3, Điều 4 của hợp đồng nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Luật Thương mại 2005 quy định: “*Vi phạm hợp đồng là một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của luật này*”. Như vậy, các đương sự phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm hợp đồng là Công ty T phải chịu trách nhiệm do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Tại Điều 292 Luật Thương mại năm 2005 quy định chế tài trong thương mại gồm: “1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng; 2. Phạt vi phạm; 3. Buộc bồi thường thiệt hại; 4. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng; 5. Đình chỉ thực hiện hợp đồng; 6. Huỷ bỏ hợp đồng; 7. Các biện pháp khác do các bên thoả thuận không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và tập quán thương mại quốc tế”. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện đúng theo thỏa thuận tại khoản 3.4 Điều 3 của hợp đồng “Khi bên B (bà Huỳnh Thị Lệ H) ngưng giao dịch và có yêu cầu rút ký quỹ bên A (Công ty T) quyết toán và thanh toán đầy đủ trong vòng 24h trong ngày làm việc.”

Việc nguyên đơn và bị đơn giao dịch bằng ngoại tệ là vi phạm quy định pháp luật theo quy định tại điểm a, tiêu mục 3, mục I Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên việc cho vay tiền này là vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì thế, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 35,697.8 USD quy ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 25/7/2023 theo tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam là:

1 USD = 23.848 đồng.

35,697.8 USD = 851.302.056 đồng.

Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của bà H buộc Công ty T thanh toán toàn bộ số tiền ký quỹ là 35.697,8 USD tương đương 851.302.056 đồng (1 USD = 23.848 đồng) là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận.

[2.2.4] Tại đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bà H không yêu cầu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[2.3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T thanh toán toàn bộ số tiền ký quỹ là 35.697,8 USD được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.539.062 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 94, khoản 3 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 199, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 12 Điều 3, Điều 15, Điều 292 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 5, 7 Điều 12 Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ khoản 12 Điều 4, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Lệ H.

Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Lệ H số tiền là 851.302.056 đồng (tám trăm năm mươi một triệu ba trăm linh hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) tương đương 35.697,8 USD (1 USD = 23.848 đồng) theo tỷ giá ngày 28/7/2023 của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Dịch vụ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.539.062 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín nghìn không trăm sáu mươi hai đồng).

Bà Huỳnh Thị Lệ H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0042706 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3. Nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Hoàng Yến**

